

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương

Bà Lò Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phùng Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2023/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lường Thị D, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lò Văn K, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản N, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lường Thị D và ông Lò Văn K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 25/4/2019, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều lần

cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2022 đến nay mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung cùng nhau được nữa, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là Lò Văn Thế K1, sinh ngày 23/02/2021. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1. Bà D làm ruộng ngoài ra còn đi làm phụ xây, thu nhập khoảng 200.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày, thu nhập đủ để nuôi con, mặt khác cháu K1 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ và cũng là tạo sự ổn định trong cuộc sống cho cháu K1 vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu K1 luôn sống cùng bà D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lò Văn K không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lương Thị D được ly hôn với ông Lò Văn K.

- Về con chung: Giao con chung Lò Văn Thế K1, sinh ngày 23/02/2021 cho bà Lương Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà D là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn cho bà D tiền án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Lò Văn K có nơi đăng ký thường trú: Bản N, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Lò Văn K: Ông K có nơi đăng ký thường trú và chỗ ở tại Bản N, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tòa án đã trực tiếp đến nơi cư trú của ông K tại bản Na Lao để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tổng đạt được do ông K thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, thỉnh thoảng mới về nhà. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông K vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị D và ông Lò Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 25/4/2019) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Việc bà D và ông K sống ly thân, không còn sống cùng nhau đã được chính quyền địa phương và gia đình ông K xác nhận (BL số 30, 31, 42, 43). Do vậy, bà D và ông K đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn sống chung cùng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D và giải quyết cho bà D được ly hôn với ông K.

[3.2] Về con chung: Bà D và ông K có một con chung là Lò Văn Thế K1, sinh ngày 23/02/2021. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu K1 sinh ngày 23/02/2021, hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, từ khi bà D, ông K sống ly thân, cháu K1 luôn sống cùng mẹ là bà D. Trong quá trình bà D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung bà D không có vi phạm gì về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con, bà D luôn chăm sóc con đầy đủ, mặt khác ông K cũng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú chính quyền địa phương và gia đình đều không biết ông K đi đâu, làm gì. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu K1, cần giao cháu K1 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho cháu K1.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà D là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở bản có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lường Thị D.

1. Về hôn nhân: Bà Lường Thị D được ly hôn với ông Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn Thế K1, sinh ngày 23/02/2021 cho bà Lường Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lường Thị D.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2023).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Sam Mứn, huyện Đ;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng